

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Quy định trình bày giáo trình và tài liệu giảng dạy**  
**tại Trường Đại học An Giang**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG**

Căn cứ Quy chế tạm thời về Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 367/2000/QĐ-UB-TC ngày 02/3/2000 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang;

Căn cứ Quy định về việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình giáo dục đại học ban hành kèm theo thông tư số 04 /2011/TT-BGDĐT ngày 28/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết này "Quy định trình bày giáo trình và tài liệu giảng dạy tại Trường Đại học An Giang".

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho các Quyết định về quy định trình bày giáo trình và tài liệu giảng dạy của Trường đã ban hành trước đây.

**Điều 3.** Trưởng các đơn vị, các thành viên Hội đồng Khoa học & Đào tạo các cấp và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Các đơn vị trong Trường;
- Lưu: VT, P.QLKH-HTQT, P.HC-TH.



PGS.TS Võ Văn Thắng

## QUY ĐỊNH

**Trình bày giáo trình và tài liệu giảng dạy tại Trường Đại học An Giang**  
(*Ban hành theo Quyết định số 65/QĐ-DHAG, ngày 05 tháng 03 năm 2014*  
*của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang*)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.** Quy định này áp dụng cho tất cả cán bộ, giảng viên đang công tác tại Trường Đại học An Giang.

**Điều 2.** Quy định này quy định hình thức trình bày giáo trình và tài liệu giảng dạy được biên soạn tại Trường Đại học An Giang.

### Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### Điều 3. Ngôn ngữ

1. Giáo trình và tài liệu giảng dạy được viết bằng tiếng Việt. Không sử dụng tiếng nước ngoài (kể cả đồ thị, biểu đồ, hình vẽ,...); trường hợp cần chú giải bằng thuật ngữ và danh pháp khoa học (tiếng La tinh) thì phải được đặt trong dấu ngoặc đơn và in nghiêng.

2. Giáo trình một số môn học thực hiện chương trình tiên tiến, chương trình đào tạo ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài, chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài và một số chương trình đào tạo khác giảng dạy bằng tiếng nước ngoài được biên soạn bằng tiếng nước ngoài.

#### Điều 4. Thuật ngữ

Đối với tiếng Việt thì căn cứ vào những quy định trong tự điển bách khoa làm căn cứ, tuy nhiên nếu có trường hợp từ có hai cách viết thì nên chọn một và thống nhất trong cả công trình nghiên cứu.

#### Điều 5. Trình bày

Đối với tên khoa học thì in nghiêng, không gạch dưới; không viết hoa sau dấu hai chấm nếu chỉ làm rõ nghĩa, nếu là một câu thì viết hoa chữ đầu. Các danh từ riêng là từ kép thì phải viết hoa cả hai từ (ví dụ: Cần Thơ, Vĩnh Long..) và từ chỉ vùng hay vị trí địa lý thì cũng viết hoa (ví dụ: phía Bắc, phía Đông..) (xem Phụ lục 1, Quy định tạm thời về viết hoa tên riêng trong sách giáo khoa theo Quyết định số 07/2003/QĐ-BGDĐT ngày 13/3/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

#### Điều 6. Kiểu chữ và cỡ chữ

Giáo trình, tài liệu giảng dạy phải thống nhất kiểu và cỡ chữ. Kiểu chữ quy định là Times New Roman và cỡ chữ 12.

#### **Điều 7. Khổ trang, lề trang và cách khoảng (Tab)**

Giáo trình, tài liệu giảng dạy được trình bày trên trang giấy A4 (21 x 29,7 cm). Lề trái 4,0 cm; Lề phải, trên, dưới: 2,5 cm. Header và footer 1,0 cm. Không ghi bất kỳ thông tin gì ở Header và footer.

#### **Điều 8. Cách dòng (hàng)**

1. Giáo trình, tài liệu giảng dạy phải được trình bày cách dòng là 1,2 (line spacing=1,2). Tuy nhiên, các trường hợp sau thì cách dòng là 1 (line spacing=1): Tài liệu tham khảo, bảng, hình, phụ lục, ghi chú cho bảng,...

2. Giữa các mục và đoạn văn phía trên cách dòng 6 (thực hiện paragraph spacing before 6 pt và after 0 pt).

3. Các dấu cuối câu (phẩy, chấm, hai chấm...) phải nằm liền với từ cuối cùng và từ kế tiếp cách một ký tự trống. Nếu cụm từ đặt trong dấu ngoặc thì dấu ngoặc phải liền với từ đầu tiên và từ cuối cùng.

#### **Điều 9. Chương và mục**

1. Mỗi chương phải được bắt đầu một trang mới. Tên chương đặt ở bên dưới chữ "Chương". Chữ "Chương" được viết hoa, in đậm và số chương là số Á Rập (1,2,...) đi ngay sau và được đặt giữa. Tên chương phải viết hoa, in đậm, cỡ chữ 14.

2. Mục: Các mục của đề tài được trình bày và đánh số thành nhóm chữ số, nhiều nhất gồm 4 chữ số với chỉ số thứ nhất là chỉ số chương.

a) *Mục cấp 1:* Số thứ tự mục cấp 1 được đánh theo chương, số thứ tự số Á Rập sát lề trái, chữ hoa, in đậm. Ví dụ: 1.1, 2.1, 3.1, 4.1....

b) *Mục cấp 2:* Được đánh theo mục cấp 1, số thứ tự Á Rập, chữ thường, in đậm. Ví dụ: 1.1.1, 2.1.1, 3.1.1, 4.1.1....

c) *Mục cấp 3:* Được đánh theo mục cấp 2, số thứ tự Á Rập, chữ nghiêng, in đậm. Ví dụ: 1.1.1.1, 2.1.1.1, 3.1.1.1, 4.1.1.1....

#### **Điều 10. Đánh số trang**

Đánh số ở phía tay trái và cỡ số tương đương cỡ chữ của giáo trình, tài liệu giảng dạy. Có 2 hệ thống đánh số trang của đề tài:

1. Đánh số trang bằng số La-mã chữ thường (i, ii, iii, iv, v,...): Các trang từ sau bìa phụ đến trước chương 1. Không đánh số trang bìa chính và trang bìa phụ.

2. Đánh số trang bằng số Á-rập (1, 2, 3,...) từ chương 1 đến phần tài liệu tham khảo và phụ lục (nếu có).

#### **Điều 11. Quy định bảng biểu, đơn vị đo lường**

1. Bảng, biểu đồ ... phải trình bày rõ và dễ đọc (tránh bảng có nhiều nội dung, khó đọc, phức tạp, cỡ chữ không nhỏ hơn 10). Hình là các loại hình chụp, hình vẽ, hình vẽ từ máy tính, sơ đồ,... Hình chụp phải rõ nội dung chính và độ phân giải ít nhất 350 dpi. Hình trích từ các báo cáo khác phải ghi chú nguồn và tác giả bài báo chịu trách nhiệm xin phép sử dụng hình của tác giả khác (nếu có). Sử dụng các thuật ngữ Hình 1, Hình 2,... và Bảng 1, Bảng 2,... Biểu đồ 1, Biểu đồ 2, ... để liệt kê thứ tự bảng, hình, biểu đồ, ... Các hình vẽ phải được nhóm để tiện biên tập.

2. Tên của Bảng được ghi phía trên Bảng. Chú thích cho Bảng (nếu có) ghi phía dưới Bảng. Tên của Hình, Biểu đồ ghi phía dưới Hình và Biểu đồ. Chú thích (nếu có) ghi ở hàng liền kề của tên Hình và Biểu đồ.

3. Trong nội dung giáo trình, tài liệu giảng dạy, khi tham chiếu đến bảng biểu hay hình vẽ tác giả cần chỉ rõ bảng biểu hay hình vẽ nào. Không sử dụng các từ tham chiếu không rõ như “hình trên” hay “bảng dưới đây”.

4. Chiều dài, diện tích, thể tích: mm, cm, km, mm<sup>2</sup>, cm<sup>2</sup>, m<sup>3</sup>, μL, mL, L,...

5. Khối lượng: g, kg, ng, μg, mg, t, Da, kDa,...

6. Nồng độ: nM, μM, mM, M, %, μg/L, mg/L, g/L,..

7. Đơn vị đo lường: viết tách số một khoảng (space bar) (ví dụ: 5 L, 5 kg, 5 ppm,...) nhưng % thì viết liền (ví dụ: 5%).

8. Tên gọi, ký hiệu trong một đơn vị phải được trình bày cùng một kiểu giống nhau (cùng là tên của đơn vị hoặc cùng là ký hiệu của đơn vị).

Ví dụ: kilômét /giờ hoặc km /h (không được viết: kilômét /h hoặc km /giờ).

9. Tên đơn vị phải viết bằng chữ thường, kiểu thẳng đứng, không viết hoa ký tự đầu tiên kể cả tên đơn vị xuất xứ từ một tên riêng, trừ nhiệt độ Celsius.

Ví dụ: mét, giây, ampe, kenvin, pascal...

10. Ký hiệu đơn vị phải viết bằng chữ thường, kiểu thẳng đứng, trừ đơn vị lít (L).

Ví dụ: m, s...

11. Trường hợp tên đơn vị xuất xứ từ một tên riêng thì ký tự đầu tiên trong ký hiệu đơn vị phải viết hoa.

Ví dụ: A, K, Pa...

12. Không được thêm vào ký hiệu đơn vị đo lường chính thức yếu tố phụ hoặc ký hiệu khác.

Ví dụ: không được sử dụng We là ký hiệu đơn vị công suất điện năng thay cho ký hiệu quy định là W.

13. Khi trình bày đơn vị dưới dạng phép nhân của hai hay nhiều ký hiệu đơn vị phải sử dụng dấu chấm (.).

Ví dụ: đơn vị công suất điện trở là mét kenvin trên oát phải viết: m.K/W (với m là ký hiệu của mét) để phân biệt với milikenvin trên oát: mK/W (với m là ký hiệu mili của tiền tố SI)

14. Khi trình bày đơn vị dưới dạng phép chia được dùng gạch gạch chéo (/).

Ví dụ: mét trên giây, ký hiệu m /s.

15. Riêng trường hợp sau dấu gạch chéo có hai hay nhiều ký hiệu đơn vị thì phải để các đơn vị này trong dấu ngoặc đơn hoặc chuyển đổi qua tích của lũy thừa âm.

Ví dụ: J/(kg.K); m.kg/(s<sup>3</sup>.A) hoặc J.kg<sup>-1</sup>.K<sup>-1</sup>; m.kg.S<sup>-3</sup>.A<sup>-1</sup>.

16. Khi thể hiện giá trị đại lượng theo đơn vị đo phải ghi đầy đủ cả phần trị số và phần đơn vị đo. Giữa hai thành phần này phải cách nhau một ký tự trống.

Ví dụ: 22 m (không được viết: 22m hoặc 22 m).

Chú ý 1: Khi trình bày ký hiệu đơn vị nhiệt độ bằng độ Celsius, không được có khoảng trống giữa ký hiệu độ (°) và ký hiệu Celsius (C).

Ví dụ: 15 °C (không được viết: 15°C hoặc 15 ° C).

Chú ý 2: Khi trình bày ký hiệu đơn vị góc phẳng là ° (độ); ' (phút); " (giây), không được có khoảng trống giữa các giá trị đại lượng và ký hiệu độ (°); ('); ("').

Ví dụ: 15°20'30" (không được viết: 15 °20 '30 " hoặc 15 ° 20 ' 30 ").

Chú ý 3: Khi thể hiện giá trị đại lượng bằng các phép tính phải ghi ký hiệu đơn vị đi kèm theo từng trị số hoặc sau dấu ngoặc đơn ghi chung cho phần trị số của phép tính.

Ví dụ: 12 m – 10 m = 2 m hoặc (12-10) m (không được viết: 12 m – 10 = 2 m hay 12 – 10 m = 2 m).

12 m x 12 m x 12 m hoặc (12 x 12 x 12) m (không được viết: 12 x 12 x 12 m)

23 °C ± 2 °C hoặc (23 ± 2) °C (không được viết: 23 ± 2 °C hoặc 23 °C ± 2)

**Chú ý 4:** Khi biểu thị dấu thập phân của giá trị đại lượng phải sử dụng dấu phẩy (,) không được viết dấu chấm (.)

Ví dụ: 245,12 mm (không được viết: 245.12 mm).

17. Số thập phân phải dùng dấu phẩy và số từ hàng ngàn trở lên thì dùng dấu chấm.

18. Phương pháp dùng số thập phân căn cứ vào mức độ đo lường của phương pháp nghiên cứu (Ví dụ: nếu đo hay cân được 2 số lẻ thì có thể dùng đến 2 số lẻ nhưng không dùng hơn 2 số lẻ. Thông thường thì dùng phương pháp chính xác 1% nghĩa là nếu phần số nguyên là hàng đơn vị (từ 1-9) dùng 2 số thập phân; nếu là hàng chục (từ 10-99) thì dùng 1 số thập phân và nếu hàng trăm trở lên ( $\geq 100$ ) thì không dùng số thập phân).

#### **Điều 12. Công thức, phương trình**

Công thức, phương trình được đánh số theo số Á Rập theo chương, theo số thứ tự, đặt trong dấu ngoặc đơn, đặt bên phải.

Ví dụ:

$$\bar{x} = \sqrt[k]{\prod_{i=1}^k x_i^{f_i}} \quad (2.3)$$

### **Chương III HÌNH THỨC CÁC TRANG TRƯỚC PHẦN NỘI DUNG CHÍNH CỦA GIÁO TRÌNH, TÀI LIỆU GIẢNG DẠY**

#### **Điều 13. Trang bìa chính**

- Không sử dụng bìa cứng đối với bìa chính của giáo trình và tài liệu giảng dạy.
- Nội dung của trang bìa chính (xem Phụ lục 2a, 2b, và 2c).

#### **Điều 14. Trang bìa phụ**

- Bìa phụ sử dụng màu trắng đen.
- Nội dung của trang bìa phụ (xem Phụ lục 3a, 3b và 3c).

#### **Điều 15. Lời cảm tạ**

Lời cảm tạ (nếu có) được tác giả viết để cảm ơn người hướng dẫn, người giúp đỡ, người/dơn vị tài trợ/dự án/đề tài để giáo trình, tài liệu giảng dạy được hoàn thành (xem Phụ lục 4).

#### **Điều 16. Trang kính tặng**

Thông thường tác giả có lời đề tặng cá nhân hoặc tổ chức mà họ quan tâm (nếu có).

#### **Điều 17. Trang cam kết**

Tác giả phải viết lời cam đoan để xác nhận rằng đây là giáo trình và tài liệu giảng dạy của chính tác giả. Các số liệu trong giáo trình và tài liệu giảng dạy có xuất xứ rõ ràng (xem Phụ lục 5).

#### **Điều 18. Mục lục**

Trình bày chi tiết tối đa đến mục cấp 2, số trang. Riêng phần phụ lục thì không trình bày chi tiết (xem Phụ lục 6).

#### **Điều 19. Danh sách bảng**

Liệt kê chính xác tên của các bảng trong bài viết và trong phần phụ lục và số trang tương ứng.

**Điều 20. Danh sách hình**

Liệt kê chính xác tên của các hình trong bài viết và trong phần phụ lục và số trang tương ứng.

**Điều 21. Danh mục từ viết tắt**

Trình bày đầy đủ các thuật ngữ viết tắt trong bài viết, trong bài viết phải viết đầy đủ cho lần đầu tiên và kèm theo từ viết tắt. Ví dụ: Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL).

## **Chương IV KẾT CẤU CỦA GIÁO TRÌNH VÀ TÀI LIỆU GIẢNG DẠY**

**Điều 22. Kết cấu của giáo trình và tài liệu giảng dạy**

Thông thường mỗi giáo trình và tài liệu giảng dạy có các chương sau: chương 1 (Giới thiệu), chương 2, 3, 4... (nội dung giáo trình), tài liệu tham khảo, phụ lục (nếu có).

**Điều 23. Tài liệu tham khảo**

1. Liệt kê tất cả những tài liệu đã được trích dẫn trong giáo trình và tài liệu giảng dạy, cần phải viết chính xác tên và họ để người đọc có thể truy tìm tài liệu khi cần.

2. Tất cả các tác giả được trích dẫn trong giáo trình và tài liệu giảng dạy thì phải ghi ở phần tài liệu tham khảo và ngược lại tất cả các tài liệu tham khảo thì phải được trích dẫn trong giáo trình và tài liệu giảng dạy, tránh liệt kê thiếu hay dư tài liệu tham khảo.

**Điều 24. Phụ lục**

Phụ lục được đặt ngay sau phần tài liệu tham khảo (bắt đầu bằng một trang mới). Phụ lục là phần số liệu thô, các bảng xử lý thống kê, hình vẽ, hình chụp, các bảng số liệu ít quan trọng không đưa vào bài viết, bảng câu hỏi,... Có thể nhóm chúng thành phụ lục lớn theo chủ đề.

**Điều 25. Kết cấu hoàn chỉnh một giáo trình và tài liệu giảng dạy**

Kết cấu hoàn chỉnh của một giáo trình và tài liệu giảng dạy được quy định ở Phụ lục 7.

## **Chương V QUY ĐỊNH TRÍCH DẪN VÀ ĐỊNH DẠNG TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**Điều 30. Quy định trích dẫn trong giáo trình và tài liệu giảng dạy**

Các trích dẫn trong giáo trình và tài liệu giảng dạy phải tương ứng với danh mục nguồn tài liệu được liệt kê trong danh mục tài liệu tham khảo. Trích dẫn trong phần nội dung là một trong những việc rất quan trọng trong các giáo trình và tài liệu giảng dạy. Nếu sử dụng thông tin của người khác mà không ghi rõ nguồn trích dẫn thì thông thường gọi là đạo văn.

**1. Tài liệu tham khảo được trích dẫn trong giáo trình và tài liệu giảng dạy phải được liệt kê theo trật tự bảng chữ cái (a, b, c ...), và được chia cách bằng dấu chấm phẩy và ghi năm xuất bản.**

Ví dụ:

Môi trường lớp học ảnh hưởng rất lớn đến thái độ và niềm tin của học sinh (Green, 2002; Harlow, 1998; William, 1997).

**2. Trong giáo trình và tài liệu giảng dạy, nếu trích dẫn tác giả tài liệu được viết bằng ngôn ngữ nước ngoài (sau đây gọi là tài liệu nước ngoài) thì sử dụng họ nhưng người Việt thì sử dụng cả họ, chữ lót và tên.**

Ví dụ:

Môi trường lớp học ảnh hưởng rất lớn đến thái độ và niềm tin của học sinh (Green, 2002; Harlow, 1998; Võ Văn A, 2011).

Học nhóm mang nhiều lợi ích cho sinh viên (Killen, 2007; Võ Văn A, 2011)

Killen (2007) cho rằng ... Võ Văn A (2011) khẳng định rằng ...

**3. Nếu tài liệu nước ngoài có hai tác giả cùng họ thì ghi chữ cái đầu tiên của tên hai tác giả đó trước họ, và được chia cách bằng dấu chấm.**

Ví dụ:

Áp lực công việc ảnh hưởng lớn đến chất lượng công việc (E. Johnson & L. Johnson, 2009).

**4. Tài liệu tham khảo có 2 tác giả thì ghi chữ “và” giữa hai tác giả. Sử dụng “&” giữa hai tác giả trong dấu ngoặc đơn. Ghi đầy đủ hai tác giả cho mỗi lần trích dẫn.**

Ví dụ:

Kết quả nghiên cứu của Crewell và Harrison (2009) chỉ ra rằng ...

Kết quả nghiên cứu của Võ Văn A và Nguyễn Văn B (2009) chỉ ra rằng ...

Môi trường làm việc quyết định chất lượng công việc của người lao động (Crewell & Harrison, 2009; Võ Văn A & Nguyễn Văn B, 2009).

**5. Tài liệu tham khảo có từ 3 đến 5 tác giả thì ghi đầy đủ họ; tên, họ và chữ lót cho lần trích dẫn thứ nhất. Kể từ lần trích dẫn thứ 2 trở đi thì ghi tác giả thứ nhất và kèm theo “và cs.” (các cộng sự).**

Ví dụ:

Áp lực công việc ảnh hưởng đến sự thỏa mãn nghề nghiệp (Kernis, Cornell, Sun, Berry, & Harlow, 1993)

Kernis, Cornell, Sun, Berry, và Harlow (1993) chứng minh rằng .....

Áp lực công việc ảnh hưởng đến sự thỏa mãn nghề nghiệp (Kernis và cs., 1993)

Kernis và cs. (1993) chứng minh rằng .....

**6. Nếu tài liệu tham khảo có từ 6 hoặc nhiều hơn 6 tác giả thì ghi họ và cs.**

Ví dụ:

Harris và cs. (2012) lập luận rằng....

Võ Văn A và cs. (2012) cho rằng ...

Dạy học là một nghề đầy áp lực (Harris và cs., 2012; Võ Văn A và cs., 2012).

**7. Nếu Tổ chức hoặc Cơ quan là tác giả của tài liệu tham khảo thì ở lần trích dẫn thứ nhất ghi nguyên tên Tổ chức hoặc Cơ quan đó, sau là viết tắt các chữ cái đầu tiên của Tổ chức đó, và để trong dấu ngoặc vuông. Từ lần trích dẫn thứ 2 trở đi thì chỉ ghi các từ viết tắt.**

Ví dụ:

Thay đổi phương pháp dạy học để phát huy năng lực tự học của người học (Chính phủ Việt Nam [CPVN], 2012).

Chính phủ Việt Nam (CPVN, 2012) khẳng định rằng ....

Thay đổi phương pháp dạy học để phát huy năng lực tự học của người học (CPVN, 2012).

CPVN (2012) khẳng định rằng ....

**8. Nếu có 2 hoặc nhiều hơn 2 tài liệu tham khảo có cùng tác giả và cùng năm xuất bản thì sử dụng các chữ cái a, b, c, ... liền kề phía sau năm xuất bản.**

Ví dụ:

Kết quả các nghiên cứu thực nghiệm của Lewis (2011a; 2011b; 2011c; & 2011d) cho thấy rằng ...

Lewis (2011a; 2011b; 2011c; & 2011d) chứng minh rằng ...

**9. Nếu trích dẫn nguồn tài liệu gián tiếp thì ghi tên, năm xuất bản nguồn tài liệu chính để trong ngoặc đơn, và đặt cuối câu.**

Ví dụ:

Johnson (2002) lập luận rằng ... (trích trong Peta, 2003, tr. 197).

**10. Khi trích dẫn một ý kiến cá nhân (bao gồm thư từ, emails, phỏng vấn qua điện thoại ...) thì sử dụng định dạng sau:**

Ví dụ:

Johnson (ý kiến cá nhân, ngày 12 tháng 2, 1999) khẳng định rằng ....

Có một mối quan hệ nghịch giữa áp lực giảng dạy và sự thỏa mãn nghề nghiệp của giáo viên (Johnson, ý kiến cá nhân, ngày 12 tháng 2, 1999).

**11. Khi trích dẫn một tài liệu không có ngày thì ghi “k.n”.**

Ví dụ:

Kinner (k.n.) cho rằng ...

Võ Văn A (k.n.) lập luận rằng ...

Hiệu quả giảng dạy của giáo viên có mối tương quan đến áp lực công việc (Kinner, k.n.)

**12. Nếu một trích dẫn ít hơn 40 từ thì sử dụng dấu nháy đôi “...” ở đầu và cuối trích dẫn và trích dẫn đó hợp thành một câu hoàn chỉnh. Ghi họ, tên tác giả, năm xuất bản và số trang.**

Ví dụ:

Phương pháp học hợp tác được xác định là “thành tố sự phạm cốt lõi của nhiều chiến lược cải cách giáo dục” (Nguyen, Elliot, Terluw, & Pilot, 2009, tr. 114).

**13. Nếu một trích dẫn có hơn 40 từ thì không sử dụng dấu nháy đôi, và trích dẫn đó xuất hiện ở dòng mới và mỗi dòng trích dẫn thụt vào trong  $\frac{1}{2}$  (0,50 cm) từ lề trái. Ghi họ, tên tác giả, năm xuất bản và số trang.**

Ví dụ:

Sử dụng kết quả t-test đối với các biến số phụ thuộc, Tran & Lewis (2012) nhận định rằng:

Phương pháp học tập jigsaw đã có những ảnh hưởng tích cực đến thành công học thuật của sinh viên, với mức ý nghĩa  $p < .05$ . Ngoài ra, sinh viên ở nhóm học jigsaw có niềm tin cao hơn sinh viên trong nhóm học truyền thống,  $p < .05$ .

(Tran & Lewis, 2012, tr. 214).

#### **Điều 31. Quy định định dạng tài liệu tham khảo**

1. Tài liệu tham khảo được đặt cuối giáo trình và tài liệu giảng dạy, bắt đầu bằng tiêu đề **TÀI LIỆU THAM KHẢO** (được canh giữa), tiếp theo là danh mục tài liệu tham khảo.

2. Liệt kê chung tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài theo thứ tự A,B,C,... căn cứ vào họ tác giả đối với người Việt và người nước ngoài.
3. Khi liệt kê một tài liệu tham khảo, dòng đầu tiên giữ nguyên, dòng thứ 2 trở đi, lè trái lùi vào 0, 50cm.
4. Cách liệt kê và định dạng các loại tài liệu tham khảo được hướng dẫn chi tiết ở Phụ lục 10.
5. Danh mục Tài liệu tham khảo được minh họa ở Phụ lục 11.

## **PHỤ LỤC 1 VIẾT HOA TÊN RIÊNG**

---

### **QUY ĐỊNH TẠM THỜI VỀ VIẾT HOA TÊN RIÊNG TRONG SÁCH GIÁO KHOA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2003/QĐ-BGDDT  
ngày 13/3/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

#### **I. CÁCH VIẾT TÊN RIÊNG VIỆT NAM**

1. Tên người: Viết hoa chữ cái đầu của tất cả các âm tiết.

Ví dụ:

- Đinh Tiên Hoàng, Trần Hưng Đạo.
- Trần Phú, Ngô Gia Tự, Nguyễn Thị Minh Khai.
- Tô Hữu, Thép Mới.
- Vù A Dính, Bàn Tài Đoàn.

\* Chú ý: Tên danh nhân, nhân vật lịch sử được cấu tạo bằng cách kết hợp bộ phận vốn là danh từ chung với bộ phận tên gọi cụ thể cũng được coi là tên riêng và viết hoa theo quy tắc viết hoa tên người.

Ví dụ:

- Ông Gióng, Bà Trưng.
- Đồ Chiểu, Đề Thám.

2. Tên địa lý: Viết hoa chữ cái đầu của tất cả các âm tiết.

Ví dụ:

- Thái Bình, Trà Vinh, Cần Thơ.
- Thừa Thiên - Huế, Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Sa Pa, Mù Cang Chải, Pác Bó.

\* Chú ý: Tên địa lý được cấu tạo bởi danh từ chỉ hướng hoặc bằng cách kết hợp bộ phận vốn là danh từ chung, danh từ chỉ hướng với bộ phận tên gọi cụ thể cũng được coi là danh từ riêng chỉ tên địa lý và viết hoa theo quy tắc viết hoa tên địa lý.

Ví dụ:

- Bắc Bộ, Nam Bộ, Tây Bắc, Đông Bắc.
- Vành Cổ Đông, Trường Sơn Tây.
- Hồ Gurom, Cầu Giấy, Bến Thủy, Cửa Việt, Đèo Ngang, Vũng Tàu.

3. Tên dân tộc: Viết hoa chữ cái đầu của tất cả các âm tiết.

Ví dụ:

Kinh, Tày, Sán Dìu, Lô Lô, Phù Lá, Hà Nhì.

4. Tên người, tên địa lý và tên các dân tộc Việt Nam thuộc các dân tộc thiểu số anh em có cấu tạo từ đa âm tiết (các âm tiết đọc liền nhau): Đổi với mỗi bộ phận tạo thành tên riêng, viết hoa chữ cái đầu và có gạch nối giữa các âm tiết.

Ví dụ:

- È-đê, Ba-na, Xơ-đăng, Tà-ô.
- Kơ-pa Kơ-lồng, Nơ-trang-lồng.
- Y-ro-pao, Chu-pa.

5. Tên cơ quan, tổ chức, đoàn thể: Viết hoa chữ cái đầu của âm tiết đầu tiên và các âm tiết đầu của các bộ phận tạo thành tên riêng.

Ví dụ:

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Ủy ban Thương vụ Quốc hội.

- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
- Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I; Trường Tiểu học Kim Đồng.
- Nhà máy Cơ khí Nông nghiệp I.

6. Từ và cụm từ chỉ các con vật, đồ vật, sự vật được dùng làm tên riêng của nhân vật: Viết hoa chữ cái đầu của âm tiết tạo thành tên riêng.

Ví dụ:

- (chú) Chuột, (bác) Gấu, (cô) Chào Mào, (chị) Sáo Sậu
- (bác) Nồi Đồng, (cô) Chồi Rơm, (anh) Càn Cầu
- (ông) Mặt Trời, (chị) Mây Trắng.

## II. CÁCH VIẾT TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

1. Không phiên âm
2. Trường hợp viết tắt: Viết nguyên dạng viết tắt. Tùy từng trường hợp, có thể ghi thêm tên dịch nghĩa hoặc ghi thêm tên nguyên dạng không viết tắt

Ví dụ: WB (Ngân hàng Thế giới), hoặc WB (World Bank).

**PHỤ LỤC 2a TRANG BÌA CHÍNH**

---

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG**  
**KHOA .....**  
*(cỡ chữ 14, in đậm)*

**LOGO TRƯỜNG**

**TÊN GIÁO TRÌNH VÀ TÀI LIỆU GIẢNG DẠY**  
*(cỡ chữ 20, in đậm)*

**HỌ TÊN TÁC GIẢ**  
*(cỡ chữ 14, in đậm )*

**AN GIANG, THÁNG-NĂM**  
*(cỡ chữ 14, in đậm)*

**PHỤ LỤC 3a TRANG BÌA PHỤ**

Giáo trình và tài liệu giảng dạy “.....”, do tác giả ..... , công tác tại Khoa..... thực hiện. Tác giả đã báo cáo nội dung và được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa thông qua ngày ....., và được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học An Giang thông qua ngày .....

**Tác giả biên soạn/viết**

(Ký tên)

**GHI CHỨC DANH, HỌ, TÊN***(cỡ chữ 14, in đậm)***Trưởng Đơn vị**

(Ký tên)

**Trưởng Bộ môn**

(Ký tên)

**GHI CHỨC DANH, HỌ, TÊN***(cỡ chữ 14, in đậm)***GHI CHỨC DANH, HỌ, TÊN***(cỡ chữ 14, in đậm)***Hiệu trưởng**

(Ký tên)

**GHI CHỨC DANH, HỌ, TÊN***(cỡ chữ 14, in đậm)***AN GIANG, THÁNG- NĂM***(cỡ chữ 14, in đậm)*

## PHỤ LỤC 4 LỜI CẢM TẠ

### **LỜI CẢM TẠ**

(Chữ in hoa, cỡ chữ 14, đặt giữa dòng)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....  
Người thực hiện

## PHỤ LỤC 5 LỜI CAM KẾT

### **LỜI CAM KẾT**

(Chữ in hoa, cỡ chữ 14, đặt giữa dòng)

Tôi xin cam đoan đây là giáo trình, tài liệu giảng dạy của riêng tôi. Nội dung giáo trình và tài liệu giảng dạy có xuất xứ rõ ràng.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....  
Người biên soạn/viết

## PHỤ LỤC 6 MỤC LỤC

### **MỤC LỤC**

(Chữ in hoa, cỡ chữ 14, đặt giữa dòng)

*Trang*

Chương 1: GIỚI THIỆU .....	1
Chương 2: NỘI DUNG .....	1
Chương 3: NỘI DUNG .....	2
Chương 4: NỘI DUNG .....	2
Chương 5: NỘI DUNG .....	2

**PHỤ LỤC 7 KẾT CÁU HOÀN CHỈNH GIÁO TRÌNH VÀ TÀI LIỆU GIẢNG DẠY**

TT	Mô tả	Ghi chú
1.	Trang bìa chính	
2.	Trang bìa phụ	
3.	<b>CHAP NHẬN CỦA HỘI ĐỒNG</b>	
4.	<b>LỜI CẢM TẠ</b>	
5.	<b>CAM KẾT KẾT QUẢ</b>	
6.	<b>MỤC LỤC</b>	
7.	<b>DANH SÁCH BẢNG</b>	
8.	<b>DANH SÁCH HÌNH</b>	
9.	<b>DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT</b>	
10.	Phần chính luận văn <b>CHƯƠNG 1</b> <b>GIỚI THIỆU</b> 1.1 1.2 1.3 <b>CHƯƠNG 2</b> <b>NỘI DUNG</b> 2.1 2.2 2.2.1 2.2.1.1 2.3 <b>CHƯƠNG 3</b> <b>NỘI DUNG</b> 3.1 3.2 <b>CHƯƠNG 4</b> <b>NỘI DUNG</b> 4.1 4.2 <b>CHƯƠNG 5</b> <b>NỘI DUNG</b> 5.1 5.2	- Tên chương: chữ hoa, in đậm, canh giữa, cỡ chữ 14. - Mục cấp 1: chữ hoa, in đậm, canh trái, cỡ chữ 12. - Mục cấp 2: chữ thường, in đậm, canh trái, cỡ chữ 12. - Mục cấp 3: chữ nghiêng, in đậm, canh trái, cỡ chữ 12.
11.	<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	Chữ hoa, in đậm, canh giữa, cỡ chữ 14
12.	<b>PHỤ LỤC</b>	

## **PHỤ LỤC 8 LIỆT KÊ VÀ ĐỊNH DẠNG CÁC LOẠI TÀI LIỆU THAM KHẢO**

---

### **1. Tạp chí**

Tác giả. (Năm xuất bản). *Tên tạp chí. Quyển* (số), tr – tr. Ghi nhận dạng tài liệu dưới dạng số [DOI] (nếu có).

#### **a) Một tác giả**

Larocque, M. (2008). Assessing perceptions of the environment in elementary classrooms: the link with achievement. *Educational Psychology in Practice*, 24, 289-305. <http://dx.doi.org/10.1080/02667360802488732>

Nguyễn Văn A. (2008). Assessing perceptions of the environment in elementary classrooms: the link with achievement. *Educational Psychology in Practice*, 24, 289-305. <http://dx.doi.org/10.1080/02667360802488732>

#### **b) Hai tác giả (sử dụng ký hiệu “&” đối với tài liệu có từ 2 tác giả trở lên.)**

Larocque, M., & Johnson, L. (2008). Assessing perceptions of the environment in elementary classrooms: the link with achievement. *Educational Psychology in Practice*, 24, 289-305. <http://dx.doi.org/10.1080/02667360802488732>

Nguyễn Văn A., & Nguyễn Văn B. (2008). Assessing perceptions of the environment in elementary classrooms: the link with achievement. *Educational Psychology in Practice*, 24, 289-305. <http://dx.doi.org/10.1080/02667360802488732>

#### **c) Hơn 7 tác giả (liệt kê 6 tác giả đầu tiên, sau đó sử dụng các dấu chấm lửng và liệt kê tác giả cuối cùng).**

Harris, M., Graham, B., Karper, E., Stacks, G., Hoffman, D., DeNiro, R., ... Cruz, P. (2001). Writing labs and the Hollywood connection. *Journal of Film and Writing*, 44, 213–245. <http://dx.doi.org/10.1080/02667360802488732>

#### **d) Từ 2 và hơn 2 bài viết có cùng tác giả và cùng năm (sử dụng bảng chữ cái [a, b, c, ...] liền kề năm xuất bản).**

Green, T.J. (1981a). Age changes and changes over time in prosocial intentions and behavior between friends. *Developmental Psychology*, 17, 408–416. <http://dx.doi.org/10.1080/02667360802488732>

Green, T.J. (1981b). Effects of friendship on prosocial intentions and behavior. *Child Development*, 52, 636–643. <http://dx.doi.org/10.1080/02667360802488732>

### **2. Sách**

Tác giả. (Năm). *Tựa sách*. Nơi xuất bản: Nhà xuất bản.

Lưu ý: *Tựa sách được in nghiêng*. Chỉ viết hoa chữ cái đầu tiên của từ đầu tiên của quyển sách. Nếu quyển sách có tiêu đề thì cũng viết hoa chữ cái đầu tiên của tiêu đề.

#### **a) Một tác giả**

Mandelbaum, M. (2002). *The ideas that conquered the world: Peace, democracy, and free markets in the twenty-first century*. New York, NY: Public Affairs.

#### **b) Sách có hai tác giả sử dụng “&” giữa tên hai tác giả, nếu sách có từ trên 2 tác giả thì sử dụng “&” ở tác giả cuối cùng.**

Nguyễn Văn A. & Nguyễn Văn B. (2007). *Các phương pháp xác định độ tin cậy đối với thang đo định lượng* (Xuất bản lần thứ 2). Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Giáo dục.  
Nguyễn Văn A., Nguyễn Văn B., & Nguyễn Văn C. (2007). *Các phương pháp xác định độ tin cậy đối với thang đo định lượng* (Xuất bản lần thứ 2). Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.

c) **Sách được xuất bản từ lần thứ hai trở đi**

Nguyễn Văn A. (2007). *Các phương pháp xác định độ tin cậy đối với thang đo định lượng* (Xuất bản lần thứ 2). Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.  
Helfer, M.E., Keme, R.S., & Drugman, R.D. (1997). *The battered child* (5th ed.). Chicago, IL: University of Chicago Press.

d) **Cơ quan/tổ chức là tác giả**

Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2010). Luật viên chức. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia.

**3. Sách được biên tập**

Tác giả (Biên tập). (Năm). *Tựa sách*. Nơi xuất bản: Nhà xuất bản.  
Nguyễn Văn A. (Biên tập). (2007). *Các phương pháp xác định độ tin cậy đối với thang đo định lượng*. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Giáo dục.  
Duncan, G.J., & Brooks-Gunn, J. (Eds.). (1997). *Consequences of growing up poor*. New York, NY: Russell Sage Foundation.

**4. Sách được biên dịch**

Tác giả. (Năm). Tựa sách (Dịch giả, Biên dịch). Nơi xuất bản: Nhà xuất bản. (Thời gian quyền sách gốc được xuất bản).

a) **Đối với sách được biên dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt**

- *Dịch toàn bộ quyển sách*

Nguyễn Văn A. (1987). Lý thuyết nhận thức (Nguyễn Văn A, Biên dịch). Hà Nội: Nhà xuất bản trẻ. (Quyển sách gốc được xuất bản năm 1980).

- *Dịch từng chương sách*

Nguyễn Văn A. (1987). Hoạt động nhận thức (Nguyễn Văn A, Biên dịch). Trong Nguyễn Văn B (Biên tập), *Lý thuyết nhận thức* (tr. 210–320). Hà Nội: Nhà xuất bản trẻ. (Quyển sách gốc được xuất bản năm 1980).

b) **Đối với sách được biên dịch từ một ngôn ngữ A sang một ngôn ngữ B mà không phải là ngôn ngữ tiếng Việt**

Laplace, P.S. (1951). *A philosophical essay on probabilities*. (Truscott, F.W & Emory, F.L, Trans.). New York, NY: Dover. (Original work published 1814)

**5. Sách có nhiều quyển (1, 2, 3 ...)**

Tác giả. (Năm xuất bản). *Tựa sách* (Quyển số). Nơi xuất bản: Nhà xuất bản.

Nguyễn Văn A. (1999). *Lịch sử thế giới* (Quyển 1). Hà Nội: Nhà Xuất bản Giáo dục.

Wiener, P. (1973). *Dictionary of the history of ideas* (Vol. 1). New York, NY: Scribner's.

Wiener, P. (1973). *Dictionary of the history of ideas* (Vols. 2–4). New York, NY: Scribner's.

**6. Chương trong quyển sách được biên tập**

Tác giả. (Năm xuất bản). Tựa đề của chương. Trong Tác giả biên tập (Biên tập), *Tựa đề quyển sách* (trang của chương). Nơi xuất bản: Nhà xuất bản.

**a) Sách được biên tập bằng tiếng Việt**

Nguyễn Văn A. (1987). Hoạt động nhận thức. Trong Nguyễn Văn B (Biên tập), *Lý thuyết nhận thức* (tr. 210–320). Hà Nội: Nhà xuất bản Trẻ.

**b) Sách được biên tập bằng tiếng nước ngoài**

O’Neil, J.M., & Egan, J. (1992). Men’s and women’s gender role journeys: Metaphor for healing, transition, and transformation. In B.R. Wainrib (Ed.), *Gender issues across the life cycle* (pp. 107–123). New York, NY: Springer.

**7. Báo cáo**

Tác giả. (1998). *Tựa đề báo cáo* (Số báo cáo). Nơi xuất bản: Nhà xuất bản.

Nguyễn Văn A. *Phương pháp phân tích số liệu định tính* (Số 91). Cần Thơ: Trường Đại học Cần Thơ.

Mazzeo, J. (1991) *Comparability of computer and paper-and-pencil scores* (No. 91). Princeton, NJ: Educational Testing Service.

**a) Báo cáo từ một tổ chức tư nhân**

Công ty Cổ phần A. (2012). *Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm năm 2013* (Số 12). An Giang: Tác giả.

American Psychiatric Association. (2000). *Practice guidelines for the treatment of patients with eating disorders* (No. 13). Washington, DC: Author.

**b) Báo cáo từ một tổ chức phi chính phủ**

Author, A. (2009). *Title of report* (Research Report No. xx). Retrieved from NGO website: <http://www.ngo.xxxxxxx.pdf>

**c) Báo cáo của chính phủ**

Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2011). *Chiến lược phát triển Giáo dục* (Số 711). Hà Nội: Văn phòng Chính phủ.

National Institute of Mental Health. (1990). *Clinical training in serious mental illnesses* (DHHS Publication No. ADM 90-1679). Washington, DC: US Government Printing Office.

**d) Báo cáo của trường đại học**

Trường Đại học A. (2012). *Báo cáo tổng kết năm học 2012-2013* (Số 12). Hà Nội: Trường Đại học A, Khoa Sư phạm.

Shuker, R. (Eds.). (1990). *Youth, media, and moral panic* (No. 11). Palmerston North, New Zealand: Massey University, Department of Education.

**8. Bài viết đăng ở tuần báo, nhật báo ...**

**a) Báo giấy**

Tác giả. (Ngày, tháng, năm xuất bản). *Tựa đề bài báo. Tên tờ báo, số*, tr-tr.

Nguyễn Văn A. (Ngày 9 tháng 4, 2013). Giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông hiện nay. *Tuổi trẻ*, 2, 4-5.

Henry, W.A. (April 9, 1990). Making the grade in today’s schools. *Time*, 135, 28–31.

**b) Báo điện tử**

Nguyễn Văn A. (Ngày 9 tháng 4, 2013). Giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông hiện nay. *Tuổi trẻ*. Truy cập từ <http://xxx.xxx.com>.

Schultz, S. (December 28, 2005). Calls made to strengthen state energy policies. *The Country Today*. Retrieved from <http://xxx.xxx.com>

**9. Luận văn, Luận án**

**a) Luận văn/luận án trên online hoặc trên cơ sở dữ liệu**

Tác giả. (Năm xuất bản). *Tên luận án/Luận văn*. Truy cập từ <http://www.xxxxxxx.com>  
Lưu ý. *Tên luận văn/luận án* được in nghiêng.  
Nguyễn Văn A. (2006). *Tính tương tác trong lớp học tiếng Anh*. Truy cập từ cơ sở dữ liệu  
Trường Đại học A, Hà Nội, Việt Nam.

**b) Luận văn/luận án không xuất bản**

Nguyễn Văn A. (2006). *Tính tương tác trong lớp học tiếng Anh*. (Luận văn thạc sĩ không  
xuất bản). Trường Đại học B, Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
Nguyễn Văn A. (2006). *Tính tương tác trong lớp học tiếng Anh*. (Luận văn Thạc sĩ/Tiến sĩ  
không xuất bản). Trường Đại học B, Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
Wilfley, D.E. (1989). *Interpersonal analyses of bulimia* (Unpublished doctoral dissertation).  
University of Missouri, Columbia.

**10. Bài viết hội thảo/Hội nghị**

**a) Bài viết được báo cáo tại Hội thảo/Hội nghị**

Lưu ý: *Tên báo cáo* được in nghiêng.  
Nguyễn Văn A. (Tháng 9, 2009). *Sự biến đổi khí hậu toàn cầu*. Bài viết được trình bày tại  
hội thảo Bảo vệ môi trường sinh thái thế giới, Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
Lanktree, C. (February, 1991). *Early data on the Trauma Symptom Checklist for Children*  
(TSC-C). Paper presented at the meeting of the American Professional Society on the  
Abuse of Children, San Diego, CA.

**b) Bài viết (dưới dạng các slides) được báo cáo tại Hội thảo/Hội nghị**

Ruby, J., & Fulton, C. (June, 1993). *Beyond redlining: Editing software that works*. Poster  
session presented at the annual meeting of the Society for Scholarly Publishing,  
Washington, DC.

**11. Tài liệu xuất bản online không có ngày**

**a) Tài liệu tiếng Việt**

Nguyễn Văn A. (k.n.). *Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên các trường  
đại học*. Truy cập từ <http://www.psywww.com/psyrelig/psyrelpr.htm>

**b) Tài liệu tiếng nước ngoài**

Nielsen, M. E. (k.n.). *Notable people in psychology of religion*. Retrieved from  
<http://www.psywww.com/psyrelig/psyrelpr.htm>

**12. Tài liệu online không có tác giả và ngày**

**a) Tài liệu tiếng Việt**

*Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên các trường đại học*. (k.n.). Truy cập  
từ <http://www.psywww.com/psyrelig/psyrelpr.htm>

**b) Tài liệu tiếng nước ngoài**

*Notable people in psychology of religion*. (k.n.). Retrieved from  
<http://www.psywww.com/psyrelig/psyrelpr.htm>

**13. Bản tóm tắt luận văn Thạc sĩ/Tiến sĩ**

Nguyễn Văn A. (2008). Năng lực tư duy của sinh viên. [Bản tóm tắt]. Bản tóm tắt được truy  
cập từ <http://www.journalwebsite.com>

Woolf, N.J., Young, S.L., & Butcher, L.L. (1991). MAP-2 expression in cholinoreceptive  
pyramidal cells [Abstract]. Abstract retrieved from <http://www.journalwebsite.com>

**14. Bài viết, bài giảng chưa xuất bản**

Nguyễn Văn A. (2006). Quá trình hình thành và phát triển nhân cách. Trường Đại học B, Hà  
Nội, Việt Nam.

Matthews, P. (1957). Notes for a lecture on Prague. Peter Matthews Memoirs (Box 12). Archives of XXXXXX, University of XXXXXXX, Location.

**15. Phỏng vấn có ghi âm**

Nguyễn Văn A. (2007, Ngày 2 tháng 3). Phỏng vấn bởi Nguyễn Văn B [Băng ghi âm]. Môi trường lớp học, Tỉnh An Giang

Allan, A. (1988, March 2). Interview by F. Smith [Tape recording]. Oral History Project, Location.

**16. Hình ảnh (ảnh/bức ảnh)**

[Ảnh của Nguyễn Văn A]. (2007). Lưu trữ tại Thư viện tỉnh An Giang.

[Photographs of M. King]. (ca. 1912–1949). M. King Papers (Box 90, Folder 21), Manuscripts and Archives, University Library, Location.

**17. Ghi âm lời nói**

Nguyễn Văn A. (Người nói). (2007). *Cách giáo dục trẻ em*. (Băng ghi âm số: 207). Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Costa, P.T. (Speaker). (1988). *Personality, continuity, and changes of adult life* (Cassette Recording No. 207-433-88A-B). Washington, DC: American Psychological Association.

**18. Thu âm [nhạc]**

Nguyễn Văn A. (2004). Một cõi đi về [Thu âm bởi Nguyễn Văn B]. *Tưởng nhớ Trịnh Công Sơn* [CD]. Hồ Chí Minh: Trung tâm Rạng Đông.

Taupin, B. (1975). Someone saved my life tonight [Recorded by Elton John]. On *Captain fantastic and the brown dirt cowboy* [CD]. London: Big Pig Music Limited.

**19. Phim ảnh**

Nhà sản xuất., & Giám đốc sản xuất. (Ngày phát hành). Tựa đề phim. Quốc gia sản xuất.

Nguyễn Văn A. (Nhà sản xuất), & Nguyễn Văn B. (Giám đốc sản xuất). (2007). Hoa thủy tinh [Phim hình]. Việt Nam.

Producer, P.P. (Producer), & Director, D.D. (Director). (Date of publication). *Title of motion picture* [Motion picture]. Country of origin: Studio or distributor.

Smith, J.D. (Producer), & Smithee, A.F. (Director). (2001). *Really big disaster movie* [Motion picture]. United States: Paramount Pictures.

Harris, M. (Producer), & Turley, M.J. (Director). (2002). *Writing labs: A history* [Motion picture]. (Available from Purdue University Pictures, 500 Oval Drive, West Lafayette, IN47907)

## **PHỤ LỤC 9 MẪU DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

---

- Aiken, L. R. (1974). Two scales of attitude toward mathematics. *Journal for Research in Mathematics Education*, 5(20), 67-71.
- Aldridge, J. M., Fisher, B. L., Taylor, P. C., & Chen, C. (2000). Constructivist learning environments in a cross-national study in Taiwan and Australia. *International Journal of Science Education*, 22, 37-55.  
<http://dx.doi.org/10.1080/095006900289994>
- Anderson, G. J. (1973). *The assessment of learning environments: A manual for the learning inventory*. Halifax: Nova Scotia.
- Chionh, Y. H., & Fraser, B. J. (2009). Classroom environment, achievement, attitudes and self-esteem in geography and mathematics in Singapore. *International Research in Geographical and Environmental Education*, 18, 29-44.  
<http://dx.doi.org/10.1080/10382040802591530>
- Fisher, D. L., & Khine, M. S. (2006). *Contemporary approaches to research on learning environments: Worldviews*. Singapore: World Scientific.
- Fisher, D. L., Giddings, G. J., & McRobbie, C. J. (1995). Evolution and validation of a personal form of an instrument for assessing science laboratory classroom environments. *Journal of Research in Science Teaching*, 32, 399-422.  
<http://dx.doi.org/10.1002/tea.3660320408>
- Fraser, B. J. (1994). Research on classroom and school climate. In D. Gabel (Ed.), *Handbook of research on science teaching and learning* (pp. 493-541). New York: Macmillan.
- Fraser, B. J. (1998). Science learning environments: Assessment, effects and determinants. In B. J. Fraser & K. G. Tob (Eds.), *The international handbook of science education* (pp. 527-564). Dordrecht: Kluwer Academic Publishers.
- Fraser, B. J. (2007). Classroom learning environments In S. K. Abell & N. G. Lederman (Eds.), *Handbook of research on science education* (pp. 103-124). Mahwah, NJ Lawrence Erlbaum.
- Fraser, B. J., & Fisher, B. L. (1982). Predicting students' outcomes from their perceptions of classroom psychological environments. *American Educational Research Journal*, 4, 498-518. <http://dx.doi.org/10.3102/00028312019004498>
- Fraser, B. J., & Walberg, H. J. (1995). *Improving science education*. Chicago, IL: The National Society for the Study of Education.
- Nguyễn Văn An. (2013). Các phương pháp dạy học tích cực. *Tạp chí khoa học*, 7, 24-34.